

【スープ類】

- | | |
|----------------------|----------------------------------|
| 01. 魚(エビ)のカンチュア(南部風) | Canh chua cá (tôm) (Miền Nam) |
| 02. 魚(エビ)のカンチュア(北部風) | Canh chua cá (tôm) (Miền Bắc) |
| 03. 豚バラのカンチュア(北部風) | Canh chua sườn (Miền Bắc) |
| 04. タケノコスープ | Canh măng tươi |
| 05. 豆腐とニラのスープ | Canh đậu hũ, giá, hẹ |
| 06. 五目スープ | Canh thập cẩm |
| 07. タケノコと豚肉(鶏肉)のスープ | Canh măng khô với sườn (thịt gà) |
| 08. 牛肉と長ネギのスープ | Canh thịt bò hành boa rô |
| 09. 春菊のスープ | Canh tần ô cá thác lác |
| 10. 豆腐とキノコのスープ | Canh đậu hũ nấm |
| 11. 落花生と豚肉のスープ | Canh đậu phộng sườn heo |
| 12. 苦瓜の肉詰めスープ | Canh khổ qua nhồi thịt |
| 13. 肉詰め瓜スープ | Canh bí xanh nhồi thịt |
| 14. 貝とトマトのスープ | Canh nghêu cà chua |
| 15. 牛筋とレンコンのスープ | Canh củ sen bắp bò |
| 16. 夜来香の花スープ | Canh hoa thiên lý |
| 17. カボチャの花のスープ | Canh hoa bí cá thác lác |
| 18. カラシ菜と肉のスープ | Canh cải xanh nấu mọc |
| 19. ロールキャベツスープ | Canh bắp cải cuộn thịt |
| 20. カニスープ | Soup cua |
| 21. うなぎスープ | Soup lươn |
| 22. タイ風鍋 | Lẩu Thái |
| 23. 五目鍋 | Lẩu thập cẩm |
| 24. ラウマム(発酵調味料の鍋) | Lẩu Mắm |
| 25. ベトナム風しゃぶしゃぶ | Bò Nhúng Giấm |
| 26. 魚鍋 | Lẩu cá điêu hồng |



カンチュア



貝とトマトのスープ



牛スジとレンコンのスープ

【デザート】

27. 小豆のチェー	Chè đậu đen (hoặc đậu đỏ)
28. 青豆のチェー	Chè đậu xanh cà
29. 五目チェー	Chè thập cẩm
30. プリン	Bánh Flan
31. ヨーグルト	Yogurt
32. 蓮の実のチェー	Chè hạt sen
33. 蓮の実とライチのチェー	Chè hạt sen trái vải
34. バナナのチェー	Chè chuối
35. タロイモのチェー	Chè khoai môn
36. 緑豆餡のお餅のぜんざい	Bánh trôi nước
37. 緑豆の粉のチェー	Chè hoa cau
38. 龍眼のチェー	Chè long nhãn



プリン



バナナのチェー